

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/DS-ST
Ngày: 15 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Bình

2. Ông Lê Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2017/QĐST-DS ngày 07/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Xuân T, sinh năm 19xx, cư trú tại: thôn 5, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 19xx, cư trú tại: thôn 6, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, sinh năm 19xx, cư trú tại: thôn 5, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Lê Văn T, sinh năm 19xx, cư trú tại: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Lương Xuân T trình bày:

Ông T và chị Trần Thị H có quan hệ là hàng xóm. Ông T có chơi hội với chị H, còn chị H là chủ hội. Vào buổi chiều cuối tháng 2 năm 2016 chị Trần Thị H lên nhà ông nhận tiền đóng hội tháng 2 năm 2016; Sau đó chị H nói có việc cần tiền và hỏi vay ông T số tiền 40.000.000 đồng, nếu 01 tháng chưa trả được thì phải chịu lãi xuất là 01%/tháng. Ông T nói tiền này là tiền đang làm nhà, đồng ý cho chị H vay và đã giao cho chị H số tiền là 40.000.000đ. Ông T không yêu cầu chị H phải viết giấy tờ nhận nợ vì lý do lúc đó ông đang bận làm nhà sợ rơi vãi mất, mà chỉ yêu cầu chị H ghi nhận tiền vào sổ đóng hội của gia đình ông; Chị H đồng ý nên sau khi nhận tiền có ghi nhận tiền vào sổ đóng hội của gia đình ông dòng chữ “Nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn”. Đến hạn chị H không trả tiền, ông đã đòi nhiều lần chị H vẫn không trả tiền gốc và lãi cho ông, mà còn có lời lẽ láo xược đối với ông, nên ông T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị H phải trả cho ông T số tiền gốc là 40.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ tháng 4 năm 2016 đến nay là 16 tháng với lãi xuất 01%/tháng, tổng cộng 46.400.000đ.

Tại bản tự khai ngày 25/4/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị H được một số ông bà hưu trí tín nhiệm cử làm chủ hội, hàng tháng thu tiền đóng hội của các thành viên và điều chỉnh cho hội viên vay với lãi xuất 01%/tháng, tiền lãi trả cho người đóng hội. Trong thời gian từ ngày 26/10/2015 gia đình ông Lương Xuân T và bà Lê Thị T có đóng hai hội, 01 hội 20.000.000đ, 01 tháng đóng 2.000.000đ, khi nào có tiền thì đóng và 01 hội 40.000.000đ, 01 tháng đóng 4.000.000đ, đóng hội vào đầu tháng. Tính đến ngày 13/02/2016 ông bà T, T mới đóng được 32.000.000đ, nhưng do ông bà T, T làm nhà nên ngày 13/02/2016 ông bà T T đến nhà chị H trình bày để vay trước của hội 40.000.000đ. Bà T đã nhận của chị H 40.000.000đ và đóng 4.000.000đ tiền hội; Bà T có ghi vào sổ theo dõi đóng hội và nhận hội của chị H dòng chữ “Ngày 13/02/2016 o T T nhận của cháu H số tiền = 40.000.000đ thành tiền bốn mươi triệu đồng”, đồng thời chị H đã ghi vào sổ của ông bà T T dòng chữ “Ngày 13/02/2016 đóng 4.000.000 bốn triệu H hết lãi” , dòng dưới ghi “nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn”; Sau đó ngày 15/02/2016 ông T nhận thêm 20.000.000đ tiền hội tại nhà chị H và đến ngày 25/02/2016 ông T lại xuống nhà chị H trình bày làm nhà thiếu tiền nên xin điều chỉnh cho vay tiếp 30.000.000đ. Các lần nhận tiền vay của chị H ông bà Thành, Tý đều viết giấy và ký nhận tiền. Việc bà T nhận của chị H số tiền 40.000.000đ vào ngày 13/02/2016, quá trình giải quyết ông T, bà T không thừa nhận, nhưng đã được Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử tại bản án số 41/2016/DS-ST ngày 27/9/2016 buộc ông T, bà T phải trả cho chị H số tiền trên. Ông T, bà T có kháng cáo, nhưng sau đó lại rút đơn và Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã đình chỉ xét xử phúc thẩm; Đến ngày 20/3/2017 ông T lại lật lọng việc chị ghi vào sổ đóng hội của ông bà dòng chữ “Ngày 13/02/2016 đóng 4.000.000 bốn triệu H hết lãi” , dòng

dưới ghi “nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn”, ông T đã sửa chữa “ngày 13/02/2016” thành “ngày 30/02/2016” và khởi kiện tôi, trong đơn ngày 14/02/2017 ông T viết “Chiều 30/02/2016 H lên nhà nhận tiền đóng hội, sau đó vay ông T số tiền 40.000.000đ”, nhưng ông T không hiểu là không có ngày 30/02/2016 (tháng 02 không có ngày 30), thấy không có căn cứ nên ông T lại rút đơn về; Đến ngày 05/4/2017 ông T lại khởi kiện nói là “vào buổi chiều cuối tháng 02 năm 2016 chị H lên nhà ông T nhận tiền đóng hội, sau đó vay ông T số tiền 40.000.000đ”. Việc ông T khởi kiện đòi nợ chị H số tiền 40.000.000đ, chị H không đồng ý, vì lý do: ông T khởi kiện không đúng, không có căn cứ, giữa chị H và gia đình ông T, bà T có chơi 02 hội với nhau, chị H là chủ hội, còn ông T, bà T là hội viên, quá trình chơi hội khi ông bà T T đóng tiền hội thì chị ghi vào sổ đóng hội của ông bà T T và ký nhận, còn khi ông bà T T nhận tiền hội thì ông bà có ghi và ký nhận vào sổ của chị; Tờ giấy ông T xuất trình có ghi dòng chữ “Nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn” là không có ngày tháng, không có ký nhận, chị nhận tiền đóng hội ông bà T T đều bắt chị ký nhận, nên không có việc ông bà T T cho chị vay tiền lại không bắt chị ký nhận; Chị H xác định ngày chị ghi dòng chữ “Nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn” vào sổ theo dõi đóng hội của ông bà T T là ngày 13/02/2016, đó là ngày ông T, bà T xuống nhà chị đóng tiền hội 4.000.000đ và nhận hội 40.000.000đ, trong sổ của chị bà T có ghi dòng chữ “Ngày 13/02/2016 o T T nhận của cháu H số tiền = 40.000.000đ thành tiền bốn mươi triệu đồng”, đồng thời chị ghi vào sổ đóng hội của ông bà T T dòng chữ “Nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn”.

Tại bản tự khai ngày 15/5/2017, bà Lê Thị T trình bày: từ năm 2012 đến tháng 4 năm 2016 ông bà T T có chơi hội với chị H, việc chơi hội hàng năm thanh toán đầy đủ, còn riêng hai hội chơi năm 2016 gồm 01 hội 20.000.000đ, tháng đóng 2.000.000đ và một hội 40.000.000đ, tháng đóng 4.000.000đ. Quá trình chơi hai hội này gia đình ông bà đã đóng hội đến tháng 4/2016 sau đó không đóng hội nữa vì lý do chị H có vay của ông T số tiền 40.000.000đ. Việc gia đình bà còn nợ tiền đóng hội chị H đã khởi kiện và Tòa án đã giải quyết buộc gia đình bà phải trả cho chị H số tiền là 46.000.000đ và tiền lãi. Bản án trên gia đình không có ý kiến gì, hiện đang thi hành án. Thời điểm ông T cho chị H vay tiền bà không có nhà, việc ông T cho chị H vay tiền bà không biết, đến khi bà về ông T nói lại bà mới biết; Nay ông T yêu cầu chị H phải trả lại số tiền trên là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Xuân T về yêu cầu chị Trần Thị H phải trả cho ông số tiền vay 40.000.000đ và tiền lãi; Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Lương Xuân T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn chị Trần Thị H có địa chỉ tại thôn 6, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lương Xuân T về việc yêu cầu chị Trần Thị H phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc 40.000.000đ và tiền lãi xuất tính từ tháng 4/2016 đến ngày xét xử là 16 tháng, tổng cộng là 46.400.000đ. Để chứng minh ông T xuất trình tài liệu là tờ giấy có ghi dòng chữ “Nhận 40.000.000đ Bốn mươi triệu chẵn”. Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị H không thừa nhận có vay nợ tiền ông T, không đồng ý thanh toán số tiền trên, chị H cho rằng thời gian đó ông bà T T làm nhà thiếu tiền, nên ngày 13/02/2016 ông bà T T đến nhà chị H trình bày để xin vay trước của hội; Bà T có ghi vào sổ theo dõi đóng hội và nhận hội của chị H dòng chữ “Ngày 13/02/2016 o T T nhận của cháu H số tiền = 40.000.000đ thành tiền bốn mươi triệu đồng”, đồng thời chị H đã ghi vào sổ của ông bà T T dòng chữ “Ngày 13/02/2016 đóng 4.000.000 bốn triệu H hết lãi”, dòng dưới ghi “nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn”;

Xét tài liệu là tờ giấy có ghi dòng chữ “Nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn” do ông T xuất trình, thấy rằng: Chữ viết trong tài liệu trên do chị Trần Thị H viết, điều này đã được chị Trần Thị H thừa nhận, nên không cần chứng minh; Về nội dung: các dòng trên của tài liệu xác định được việc chị H nhận tiền đóng hội của ông bà T T vào các tháng 10, 11, 12 năm 2015 và tháng 01, 02 năm 2016, mỗi tháng ông bà T T đóng 4.000.000đ, chị H ghi và có ký nhận; Còn dòng cuối cùng của tài liệu có dòng chữ “nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn” không ghi ngày tháng, không ghi rõ, cụ thể nhận tiền gì, ai nhận tiền của ai và chị H không có ký nhận; Không xác định được ngày ghi trong tài liệu là ngày nào do bị tẩy xóa, chỉ xác định được là tháng 02/2016.

Quá trình giải quyết vụ án ông T không xác định được cụ thể ngày ông cho chị H vay tiền là ngày nào, ông T chỉ xác định là vào ngày cuối tháng 02/2016, nhưng ông T không yêu cầu giám định, còn chị H đã chứng minh và xác định ngày bị tẩy xóa trong tài liệu do ông T xuất trình là ngày 13/02/2016 và chứng minh được lý do chị H lại ghi dòng chữ “Nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn” vào sổ

đóng hội của ông bà T T là ghi việc ngày 13/02/2016 bà T nhận 40.000.000đ tiền hội của chị, khi nhận tiền bà T có ghi vào sổ theo dõi đóng hội và nhận hội của chị H dòng chữ “Ngày 13/02/2016 o T T nhận của cháu H số tiền = 40.000.000đ thành tiền bốn mươi triệu đồng”, đồng thời chị H đã ghi vào sổ của ông bà T T dòng chữ “Ngày 13/02/2016 đóng 4.000.000 bốn triệu H hết lãi”, dòng dưới ghi “nhận 40.000.000 Bốn mươi triệu chẵn”; Sự việc này đã được Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử tại bản án số 41/2016/DS-ST ngày 27/9/2016 ghi nhận sự việc ngày 13/02/2016 bà T có nhận của chị H 40.000.000đ và buộc ông bà T T phải trả cho chị H số tiền đóng hội còn lại.

Người làm chứng là anh Lê Văn T lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chỉ thể hiện vào thời điểm cuối tháng 02/2016 anh T và các anh em trong tổ thợ xây có thấy chị H lên nhà ông T, còn làm việc gì các anh không biết, sau khi chị H về ông T ra và nói với anh em tổ thợ là “cô ấy lên lấy tiền hội và hỏi vay mấy chục”.

Từ những phân tích trên, xét thấy không đủ cơ sở, căn cứ khẳng định việc chị Trần Thị H có vay của ông Lương Xuân T số tiền 40.000.000đ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Xuân T về việc buộc chị Trần Thị H phải trả cho ông số tiền gốc 40.000.000đ và tiền lãi 6.400.000đ, tổng cộng là 46.400.000đ.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lương Xuân T không được chấp nhận, nên ông Lương Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lương Xuân T về yêu cầu chị Trần Thị H phải trả số tiền vay 40.000.000đ và tiền lãi 6.400.000đ, tổng cộng là 46.400.000đ (bốn mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. *Về án phí:* Ông Lương Xuân T phải chịu 2.320.000đ (hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.130.000đ (một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng), ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000509 ngày 14/4/2017

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Ông Lương Xuân T còn phải nộp 1.190.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến